TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST-VY
Ngày: 18-7-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Hoàng Liên
2. Ông Nguyễn Văn Tấn

- Thư ký phiên toà: Bà Nghiêm Thị Vân Anh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai không tham gia phiên tòa:

Ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên toà số: 02/2025/TB-TA ngày 01 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, tỉnh Lào Cai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Triệu Mùi P, sinh năm 1995
Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn anh Đặng Văn Đ trình bầy: Tôi và chị Triệu M Phấy tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau nên dẫn đến nhiều lần cãi nhau, những mâu thuẫn đó tôi và chị P nhiều lần hoà giải song không được. Từ tháng 02/2023 tôi và chị P đã ly thân nhau không sống cùng nhau nữa và không còn quan tâm đến nhau, thỉnh thoảng chị P có về nhà thăm con nhưng tôi và chị P không nói chuyện cùng nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn chị Triệu Mùi P.

Về con chung: Có 01 cháu: Đặng Thế B sinh ngày 31/5/2020. Hiện nay cháu B đang sống cùng tôi, cuộc sống ổn định, tôi có đất và nhà ở, thu nhập trung bình 7.000.000 đồng một tháng. Khi ly hôn tôi đề nghị Toà án giải quyết giao cho tôi nuôi dưỡng cháu B cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu chị P cấp

dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi đề nghị tự thoả thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án đã làm các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật nhiều lần đối với chị Triệu Mùi P nhưng chị P không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn Đ và chị Triệu M Phấy kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 10 tháng 8 năm 2020 là hôn nhân hợp pháp. Anh Đ cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau nên dẫn đến nhiều lần cãi nhau, những mâu thuẫn đó anh Đ và chị P nhiều lần hoà giải song không được. Từ tháng 02/2023 anh Đ và chị P đã ly thân nhau không sống cùng nhau nữa và không còn quan tâm đến nhau, thỉnh thoảng chị P có về nhà thăm con nhưng anh Đ và chị P không nói chuyện cùng nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Anh Đ xin ly hôn chị P là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả từ tháng 02/2023 cho đến nay. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho anh Đ được ly hôn chị P là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu Đặng Thế B sinh ngày 31/5/2020. Hiện nay

cháu B đang sống cùng anh Đ, cuộc sống ổn định, anh Đ có đất và nhà ở, thu nhập trung bình 7.000.000 đồng một tháng. Khi ly hôn anh Đ nhận nuôi con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu B được ổn định và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Do vậy cần giao cháu B cho anh Đ nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của anh Đ về nuôi con chung không trái với quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Đồng Văn Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đặng Văn Đ được ly hôn chị Triệu Mùi P.

2. Về con chung: Có 01 cháu: Đặng Thế B sinh ngày 31/5/2020.

Xử giao cháu Đặng Thế B cho anh Đặng Văn Đ trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Triệu Mùi P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Đặng Văn Đ phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai số: AA/2024/0002167 ngày 19 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận anh Đặng Văn Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3
- Phòng THADS khu vực 3
- Các đương sự (2)
- UBND xã Đ
- Lưu HS -TQĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng